

Kinh nghiệm quốc tế về chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa và bài học cho Việt Nam

NGUYỄN THẾ BÌNH

Trường Đại học Ngân hàng

Doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) là hệ thống doanh nghiệp có vị trí hết sức quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế và ổn định kinh tế xã hội. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển, các DNNVV thường gặp nhiều trở ngại khi phải đối mặt với những biến động kinh tế và sự cạnh tranh khốc liệt của các loại hình kinh tế khác. Chính sách hỗ trợ của Nhà nước được thực hiện thông qua việc tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp về hành lang pháp lý, trợ giúp doanh nghiệp tiếp cận các nguồn lực phát triển như: tài chính, công nghệ, nguồn nhân lực, thị trường, chính sách phát triển phù hợp trong từng giai đoạn phát triển. Đây cũng là những vấn đề mà VN cần tham khảo trong quá trình triển khai chiến lược phát triển DNNVV.

Từ khóa: *Kinh nghiệm quốc tế, chính sách hỗ trợ, doanh nghiệp nhỏ và vừa.*

1. Đặt vấn đề

Trên thế giới, hệ thống doanh nghiệp nhỏ và vừa đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội. Tuy nhiên, hệ thống doanh nghiệp này vẫn còn nhiều khó khăn trong quá trình phát triển như: quy mô nhỏ, thiếu vốn và khó tiếp cận nguồn vốn, trình độ công nghệ còn lạc hậu, khả năng quản trị doanh nghiệp yếu, thiếu nguồn nhân lực có trình độ cao, thiếu mặt bằng để phát triển sản xuất kinh doanh, đại bộ phận chưa quan tâm đến xây dựng thương hiệu, khó liên kết để tạo thế mạnh chung... Chính vì vậy, trong những thập niên gần đây, hệ thống doanh nghiệp này đang là mục tiêu trọng tâm của các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế của các quốc gia. Nhiều chương trình và chính sách đã được chính phủ các

nước triển khai thực hiện để thúc đẩy sự phát triển của các DNNVV. Các chính sách và chương trình này được thực hiện thông qua các hoạt động của nhà nước nhằm giúp hệ thống DNNVV khắc phục những hạn chế tồn tại của mình trong quá trình phát triển. Bài viết đã tổng hợp kinh nghiệm của một số quốc gia thành công trong quá trình thực hiện các chính sách này giúp hệ thống DNNVV phát triển, qua đó, rút ra những bài học kinh nghiệm trong quá trình phát triển hệ thống doanh nghiệp này tại VN.

2. Một số kinh nghiệm quốc tế thành công trong chính sách phát triển DNNVV

2.1. Kinh nghiệm của Trung Quốc

DNNVV ở Trung Quốc có vai trò chiến lược đối với sự phát triển của nền kinh tế. Số lượng DNNVV

chiếm trên 99% tổng số doanh nghiệp (tại Trung Quốc có khoảng 30 triệu DNNVV). Hệ thống doanh nghiệp này đóng góp trên 60% tổng sản phẩm quốc dân, trên 60% kim ngạch xuất khẩu và tạo việc làm cho hơn 80% lao động thành thị và trên 70% lao động khu vực nông thôn. Các chính sách phát triển DNNVV ở Trung Quốc được dựa trên cơ sở tôn trọng các yêu cầu khách quan và các quy luật kinh tế như: phải căn cứ vào quy mô kinh tế hợp lý để tổ chức sản xuất; các DNNVV cần được đầu tư với kỹ thuật và kỹ năng quản trị hiện đại, nâng cao chất lượng sản phẩm và chất lượng quản lý; các DNNVV cần linh hoạt để phù hợp với thị trường, tránh sự trùng lặp và tình trạng dư thừa và các doanh nghiệp lớn vẫn đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế, sự phát triển của các doanh nghiệp

này sẽ kéo theo sự tăng trưởng của các DNNVV.

- Về chính sách phát triển.

+ Lĩnh vực trọng điểm của phát triển các DNNVV ở Trung Quốc là mở rộng việc làm và tập trung vào khu vực dịch vụ. Dịch vụ gắn với quần chúng và trực tiếp phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt, do vậy DNNVV có ưu thế hơn trong lĩnh vực dịch vụ. Đặc điểm của kinh doanh dịch vụ ở các địa phương không giống nhau. Hai lĩnh vực chính phát triển dịch vụ là buôn bán nhỏ và ăn uống rất tương ứng với sức tăng tiêu dùng. Bên cạnh đó, quy mô và không gian phát triển dịch vụ của các DNNVV rất lớn, ngoài ra còn những ngành khác như dịch vụ gia đình, bảo vệ môi trường, du lịch, in ấn, giải trí văn phòng. Theo số liệu thống kê của cơ quan chức năng Trung Quốc, riêng lĩnh vực phục vụ gia đình và phục vụ cộng đồng nếu có chính sách điều tiết tốt sẽ có thể tạo được 11 triệu công ăn việc làm.

+ Thành lập cơ cấu quản lý chuyên môn các DNNVV. Trung Quốc đang xúc tiến thành lập Ủy ban kinh tế mật dịch quốc gia trực tiếp thuộc Ủy ban DNNVV. Đây chính là đầu mối để giải quyết tốt mối quan hệ giữa chính quyền và doanh nghiệp, có trách nhiệm tư vấn, giúp đỡ bồi dưỡng lao động cho các DNNVV, nhưng không được can thiệp vào các hoạt động kinh doanh như đầu tư, kinh doanh sản xuất, tiêu thụ của các DNNVV.

- Chính sách hỗ trợ nguồn vốn cho phát triển các DNNVV. Đây là một trong những trọng tâm trong chính sách và chiến lược phát triển các DNNVV của Trung Quốc, được thực hiện thông qua:

+ Thành lập các quỹ hỗ trợ

doanh nghiệp. Trước tình hình khó khăn trong tiếp cận nguồn vốn của các DNNVV, từ năm 2010 Chính phủ Trung Quốc đã thành lập một quỹ 10,98 tỷ Nhân dân tệ (NDT) từ ngân sách trung ương. Ngoài ra, Chính phủ còn thành lập một quỹ đặc biệt gọi là “quỹ xanh” trị giá 10,6 tỷ NDT dành riêng cho các DNNVV trong việc đổi mới công nghệ nhằm tiết kiệm năng lượng và cắt giảm khí thải các bon.

+ Chính sách hỗ trợ tín dụng, chính sách này được thực hiện trong bối cảnh doanh nghiệp khó tiếp cận nguồn vốn do lãi suất cao. Hỗ trợ tín dụng được thực hiện dưới các hình thức như: cung cấp bảo lãnh tín dụng, cho vay trực tiếp và hỗ trợ lãi suất. Trong giai đoạn 2008 – 2009, Trung Quốc đã bảo lãnh tín dụng cho các DNNVV khoản tín dụng 1 tỷ NDT. Từ năm 2010 đến nay, trong bối cảnh lạm phát tăng cao và tác động của chính sách thắt chặt tiền tệ, Chính phủ Trung Quốc đã ban hành Nghị định về việc bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp xuất khẩu, trong đó quy định các DNNVV thuộc lĩnh vực này sẽ được tiếp cận các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại với lãi suất do ngân hàng trung ương quy định. Mới đây vào năm 2011, Chính phủ Trung Quốc đã thông qua một chương trình hỗ trợ lãi suất cho DNNVV với mức hỗ trợ khoảng 2%, qua đó giảm áp lực về chi phí vay vốn cho các DNNVV trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, Chính phủ còn thực hiện chính sách cho vay trực tiếp từ Chính phủ đối với các DNNVV gặp khó khăn trong bối cảnh thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt.

+ Chính sách thuế, nhằm hỗ trợ doanh nghiệp trong lĩnh vực

xuất khẩu, từ tháng 11/2010 đến nay, Chính phủ Trung Quốc thực hiện hoàn thuế VAT cho các doanh nghiệp xuất khẩu.

+ Phát triển thị trường trái phiếu doanh nghiệp. Nhằm tháo gỡ khó khăn về vốn cho doanh nghiệp, Trung Quốc đã tiến hành đẩy mạnh một loạt các cải cách liên quan đến hoàn thiện và phát triển thị trường trái phiếu doanh nghiệp, cho phép các DNNVV tiếp cận vốn trên thị trường trái phiếu như cho phép DNNVV tiến hành liên kết với một ngân hàng hay một doanh nghiệp có hạng tín nhiệm cao đứng ra bảo lãnh phát hành trái phiếu hay còn gọi là trái phiếu liên kết (trái phiếu hợp nhất), chính sách này giúp các DNNVV thuận lợi trong tiếp cận được thị trường vốn.

2.2. Kinh nghiệm của Nhật

Nhật là nền kinh tế lớn với hàng ngàn tập đoàn kinh tế, công ty đa quốc gia hoạt động trong và ngoài lãnh thổ quốc gia này. Tuy nhiên, khu vực DNNVV vẫn có vai trò quan trọng được coi là lực lượng không thể thay thế ngay cả hiện tại và trong tương lai. Theo số liệu thống kê đến cuối năm 2010, DNNVV ở Nhật chiếm đến 99% trong tổng số doanh nghiệp, thu hút 39 triệu lao động chiếm 80% lực lượng lao động làm việc cho các doanh nghiệp. Thu nhập của khu vực kinh tế này chiếm 99,1% tổng thu nhập bán buôn và 99,8% tổng thu nhập bán lẻ. Các đặc trưng của các DNNVV của Nhật đáng chú ý là các doanh nghiệp này hoạt động như là vệ tinh của các doanh nghiệp lớn, nhận thầu lại công việc của những doanh nghiệp lớn; Các doanh nghiệp được tổ chức theo các giai tầng doanh nghiệp mẹ (tập đoàn), doanh nghiệp con, trong đó các doanh nghiệp con có sự gắn



bỏ mặt thiết, lâu dài, có hợp đồng dài hạn, liên tục với doanh nghiệp mẹ; Các DNNVV ở Nhật phần lớn thuộc các ngành nghề truyền thống, nhưng luôn luôn có sự kết hợp giữa những tính cách truyền thống dân tộc với kỹ thuật, công nghệ hiện đại. Số lượng DNNVV thường biến động, nhưng xu hướng số lượng doanh nghiệp loại này ngày càng tăng. Trong từng thời kỳ phát triển của nền kinh tế đất nước, Chính phủ Nhật đã ban hành nhiều chính sách phát triển khu vực DNNVV. Những thay đổi về chính sách nhằm đặt khu vực DNNVV vào vị trí phù hợp nhất và khẳng định tầm quan trọng của nó trong nền kinh tế. Những thay đổi về chính sách nhằm đặt khu vực DNNVV vào vị trí phù hợp nhất và khẳng định tầm quan trọng của nó trong nền kinh tế. Xét một cách tổng quát, các chính sách phát triển DNNVV của Nhật tập trung vào các mục tiêu chủ yếu sau đây: Thúc đẩy sự tăng trưởng và phát triển của DNNVV; tăng cường lợi

ích kinh tế và xã hội của các doanh nghiệp và người lao động tại các DNNVV; khắc phục những bất lợi mà các DNNVV gặp phải; hỗ trợ tính tự lực của các DNNVV.

Các chính sách hỗ trợ các DNNVV của Nhật được phân thành hai nhóm chính. Một là, hỗ trợ tăng cường năng lực kinh doanh của các DNNVV. Hai là, hỗ trợ cho việc thay đổi cơ cấu doanh nghiệp. Từ năm 1980, Liên đoàn doanh nghiệp nhỏ được thành lập, với chức năng chính là thực hiện là toàn bộ các chính sách giúp đỡ DNNVV thông qua thúc đẩy việc hiện đại hóa và nâng cấp cơ cấu DNNVV, nâng cao khả năng của DNNVV nhờ phát triển công nghệ kỹ thuật; giúp đỡ DNNVV trong các nỗ lực hoạt động kinh doanh quốc tế, giúp DNNVV đào tạo nguồn nhân lực. Bên cạnh đó, Liên đoàn các doanh nghiệp nhỏ của Nhật còn thực hiện các chức năng sau: Hướng dẫn và tài trợ cho các dự án nâng cấp doanh nghiệp; đào tạo cán bộ công nhân tại Học viện

quản lý và công nghệ DNNVV; cung cấp dịch vụ thông tin, nâng cấp kỹ thuật và hỗ trợ cho việc quốc tế hóa của DNNVV; điều hành hệ thống hỗ trợ lẫn nhau của các doanh nghiệp nhỏ; điều hành hệ thống hỗ trợ lẫn nhau nhằm ngăn chặn phá sản trong các DNNVV. Nội dung của chính sách hỗ trợ DNNVV của Chính phủ Nhật được thể hiện ở một số mặt sau:

- Cải cách pháp lý: Luật cơ bản về DNNVV mới được ban hành năm 1999 hỗ trợ cho việc cải cách cơ cấu để tăng tính thích nghi của DNNVV với những thay đổi của môi trường kinh tế - xã hội; tạo tính thuận lợi cho việc tái cơ cấu doanh nghiệp. Các luật tạo thuận lợi cho thành lập doanh nghiệp mới và hỗ trợ DNNVV đổi mới trong kinh doanh, khuyến khích mạnh mẽ việc thành lập các doanh nghiệp mới, tăng nguồn cung ứng vốn rủi ro, trợ giúp về công nghệ và đổi mới. Luật Xúc tiến các hệ thống phân phối có hiệu quả ở DNNVV hỗ trợ cho việc tăng cường sức cạnh tranh



trong lĩnh vực bán lẻ thông qua công nghệ thông tin và xúc tiến các lĩnh vực bán hàng. Hệ thống hỗ trợ cũng được thiết lập nhằm hạn chế sự phá sản của các DNNVV.

- Hỗ trợ về vốn vay. Hỗ trợ có thể dưới dạng các khoản cho vay thông thường với lãi suất cơ bản hoặc các khoản vay đặc biệt với những ưu đãi theo các mục tiêu chính sách. Hệ thống hỗ trợ tăng cường cơ sở quản lý các DNNVV ở từng khu vực, các khoản vay được thực hiện tùy theo từng điều kiện của khu vực thông qua một quỹ được góp chung bởi chính quyền trung ương và các chính quyền địa phương và được ký quỹ ở một thể chế tài chính tư nhân. Kế hoạch cho vay nhằm cải tiến quản lý của các doanh nghiệp nhỏ được áp dụng với các doanh nghiệp không đòi hỏi phải có thế chấp hoặc bảo lãnh; hệ thống bảo lãnh tín dụng nhận bảo lãnh cho các DNNVV vay vốn tại các thể chế tài chính tư nhân. Còn Hiệp hội bảo lãnh tín dụng có chức năng mở rộng các khoản tín dụng bổ sung và bảo lãnh tín dụng cho các DNNVV. Hệ thống bảo lãnh đặc biệt, đã hoạt động từ năm 1998, có chức năng như một

mạng lưới an toàn, nhằm giảm nhẹ những rối loạn về tín dụng và góp phần làm giảm các vụ phá sản của DNNVV.

- Cùng cố và phát triển nguồn cung tài trợ cho DNNVV bằng các biện pháp như: Chính phủ cho vay trực tiếp, chủ yếu là các khoản vay dài hạn không có lãi hoặc lãi suất rất thấp để nâng cao trình độ công nghệ, phương tiện hiện đại phục vụ sản xuất kinh doanh. Cho vay thông qua các cơ quan hỗ trợ của Chính phủ, các tổ chức tài chính công liên quan đến hỗ trợ phát triển DNNVV như Hội đồng tài chính DNNVV, Hội đồng tài chính nhân dân, Ngân hàng trung ương của các hợp tác xã thương mại và công nghiệp.

- Cùng cố và phát triển các tổ chức tài chính chuyên doanh của khu vực kinh tế tư nhân để phục vụ cấp vốn cho DNNVV: Kết hợp với các tổ chức tài chính công tổ chức tài chính chuyên doanh này tăng khả năng tiếp cận vốn cho DNNVV. Kết quả đã thành lập hơn 862 tổ chức tài chính phục vụ DNNVV và hơn 4.517 tổ chức tài chính chuyên trách phục vụ trong lĩnh vực nông lâm ngư nghiệp.

2.3. Kinh nghiệm của Hàn Quốc

Vào đầu những năm 1980, Hàn Quốc đã thực hiện các chính sách khuyến khích DNNVV phát triển, qua đó DNNVV trở thành những doanh nghiệp vệ tinh cung cấp bán thành phẩm cho các tập đoàn lớn. Chính phủ đã ban hành Luật Xúc tiến doanh nghiệp hỗ trợ chỉ định một số ngành công nghiệp cũng như một số sản phẩm trong các ngành công nghiệp này là sản phẩm phụ trợ. Luật yêu cầu các doanh nghiệp lớn phải mua các sản phẩm đã chỉ định này từ bên ngoài chứ không được tự sản xuất. Chính phủ Hàn Quốc tập trung đầu tư cải thiện những mặt yếu kém của các DNNVV, nhằm tăng tính cạnh tranh thông qua việc khuyến khích các doanh nghiệp loại này đổi mới cơ cấu quản lý và vận hành. Hàn Quốc đề ra chính sách nhằm thực hiện chiến lược tăng cường hỗ trợ phù hợp với đặc tính của từng giai đoạn tăng trưởng như: Linh hoạt hóa khởi nghiệp, bằng các chính sách như tăng cường đào tạo nguồn nhân lực, cải thiện cơ chế quản lý, đơn giản hóa thủ tục rút ngắn thời gian thành lập, hỗ trợ vốn khởi nghiệp, mặt bằng và thuế (ưu tiên cho các doanh nghiệp mạo hiểm). Chính phủ đã định hướng lĩnh vực ưu tiên phát triển là các ngành công nghiệp chế tạo, hình thành loại hình “thung lũng Silicon Hàn Quốc” cho DNNVV, hỗ trợ 50% chi phí trang thiết bị và giảm thuế doanh thu, sử dụng tài sản, đất; nuôi dưỡng và thúc đẩy tăng trưởng, chính sách giúp các DNNVV có kinh phí hỗ trợ từ Nhà nước để nghiên cứu đổi mới công nghệ phù hợp với ngành và phạm vi hoạt động, đồng thời có thể tiếp nhận và ứng dụng nhanh những thành tựu của nghiên cứu mới vào

hoạt động hiện hữu. Chính sách thương mại hóa sản phẩm gắn liền với chủ trương thực hiện các hợp đồng mua sản phẩm của Chính phủ và các tập đoàn công nghiệp lớn, trong đó có phần hỗ trợ bảo lãnh tín dụng và thiết kế mẫu mã thích nghi với thị trường; tăng trưởng - toàn cầu hóa, là nhóm giải pháp nhằm ổn định nguồn nhân lực, củng cố điều kiện làm việc và xây dựng năng lực cạnh tranh toàn cầu. Để ổn định nguồn nhân lực cho DNNVV, gắn tương lai DNNVV với tương lai của các trường đại học và nền kinh tế, Chính phủ đã có chủ trương thay đổi nhận thức của giới lao động về hoạt động và hướng phát triển của DNNVV, bằng các giải pháp hữu hiệu như ưu tiên cho sinh viên các trường đại học thực tập tại DNNVV (có cộng thêm điểm), bổ sung vào chương trình đào tạo các môn học về DNNVV; khuyến khích DNNVV tăng cường thu nhận chuyên gia nước ngoài.

Tại Hàn Quốc, hệ thống hỗ trợ tài chính cho DNNVV bao gồm hệ thống bảo lãnh tín dụng trực thuộc Ngân hàng Trung ương, các cơ cấu tài chính khác thuộc chính phủ và chính sách thuế. Đây là những công cụ đặc lực mà chính phủ sử dụng để hỗ trợ DNNVV.

- Bảo lãnh tín dụng. Hệ thống bảo lãnh tín dụng của Hàn Quốc được luật hóa từ năm 1961 với mục tiêu là giảm nhẹ khó khăn tài chính cho các DNNVV. Cho đến nay, hệ thống hỗ trợ tài chính cho DNNVV được phân theo ba kênh chính gồm: Quỹ bảo lãnh tín dụng Hàn Quốc, Quỹ bảo lãnh tín dụng công nghệ Hàn Quốc và Quỹ bảo lãnh tín dụng địa phương. Quỹ bảo lãnh tín dụng Hàn Quốc được Chính phủ thành lập từ năm 1976 với 50% vốn của Chính phủ, 30% vốn

của ngân hàng thương mại và 20% của các định chế tài chính, đến nay, phần vốn của Chính phủ chỉ chiếm 20%. Ngoài bảo lãnh tín dụng, quỹ này còn cung cấp các dịch vụ tư vấn, đào tạo về quản lý đối với nhân lực của các DNNVV được quỹ bảo lãnh. Năm 1989, Hàn Quốc thành lập Quỹ bảo lãnh tín dụng công nghệ để triển khai thực hiện Luật Hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp công nghệ mới, chuyên cung cấp các dịch vụ bảo lãnh tín dụng đối với doanh nghiệp, đặc biệt ưu tiên cho các DNNVV có triển vọng tốt, ứng dụng công nghệ sạch nhưng không đủ tài sản đảm bảo.

- Thực hiện chính sách hoàn thuế đối với các DNNVV. Chính sách này được thực hiện từ năm 1980, trong đó tập trung vào những doanh nghiệp đầu tư và nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, bao gồm: hoàn lại 15% chi phí đầu tư cho nghiên cứu phát triển và đào tạo nguồn nhân lực; miễn thuế VAT, thuế trước bạ đối với nhà cửa và đất đai phục vụ các mục tiêu nghiên cứu phát triển.

2.4. Kinh nghiệm của Đài Loan

Chính phủ Đài Loan không can thiệp sâu vào các quyết định của các doanh nghiệp lớn và DNNVV nhưng đóng vai trò chất xúc tác thông qua hỗ trợ tài chính. Chính phủ trợ giúp các liên kết này thông qua hỗ trợ kỹ thuật tư vấn quản lý và hỗ trợ tài chính. Các doanh nghiệp hạt nhân có trách nhiệm phối hợp, giám sát và cải tiến hoạt động của các doanh nghiệp vệ tinh của mình. Các doanh nghiệp hạt nhân tham gia hệ thống này vì được trợ cấp tài chính, còn các doanh nghiệp vệ tinh tham gia vì muốn nâng cao hiệu quả sản xuất. Hệ thống này góp phần chia sẻ thông tin và tạo ra cơ chế để chính phủ thực thi

các chính sách của mình. Đặc tính trong mối quan hệ thị trường của các DNNVV Đài Loan được thực hiện theo mối liên kết ngang giúp nâng cao khả năng cạnh tranh của DNNVV Đài Loan. Các DNNVV Đài Loan nổi trội ở mức độ chuyên môn hóa, điều này có nghĩa nhiều DNNVV Đài Loan chỉ chuyên sâu vào các khâu sản xuất chuyên môn, riêng biệt. Mức độ chuyên môn hóa càng cao thì mức độ phân chia lao động trong công nghiệp càng rõ ràng và độc lập. Đối với Đài Loan, cho dù hầu hết chỉ là các DNNVV, nhưng do được tổ chức, liên kết và hợp tác rất tốt, các hiệp hội phát huy được vai trò, nên các doanh nghiệp của nước này đã tạo ra được sự liên kết và tập trung cao do vậy cũng đã phát huy được lợi thế kinh tế nhờ quy mô, sử dụng nguồn lực hiệu quả, tạo ra giá trị gia tăng cao hơn cho nền kinh tế. Mới đầu là các biện pháp trợ giúp chưa được luật hóa mà chỉ là những giải pháp hỗ trợ rời rạc. Đến thập niên 1990, Chính quyền đã ban hành hệ thống chính sách hỗ trợ cho các DNNVV, ngay lập tức tác động tích cực đến doanh nghiệp này và tạo nên làn sóng phát triển mạnh mẽ cho khu vực này. Hệ thống chính sách hỗ trợ bao gồm: chính sách hỗ trợ tài chính tín dụng; chính sách hỗ trợ công nghệ; nghiên cứu và phát triển; kiểm soát chất lượng sản phẩm; quản lý đào tạo; hỗ trợ kiểm soát ô nhiễm môi trường; hỗ trợ nghiên cứu phát triển thị trường quốc tế; hợp tác phát triển, ... Với hệ thống các chính sách này Đài Loan đã thành công trong phát triển DNNVV với 40% GNP được đóng góp từ khu vực kinh tế này, tạo ra 60% kinh ngạch xuất khẩu và thu hút 68% lực lượng lao động cả nước. Chính phủ hỗ trợ tài chính

tín dụng cho DNNVV thông qua các chính sách như:

- Khuyến khích các ngân hàng cho DNNVV vay vốn: Theo thống kê đến cuối năm 1997, Đài Loan có 82 ngân hàng cung cấp tín dụng cho DNNVV nhưng hầu hết các DNNVV không đáp ứng được yêu cầu của ngân hàng như: tài sản thế chấp, phương án kinh doanh, niềm tin. Để tháo gỡ các khó khăn này chính quyền Đài Loan đã thực hiện các biện pháp khuyến khích ngân hàng cung cấp tín dụng cho DNNVV như: điều chỉnh lãi suất; quy định tỷ lệ cung cấp tín dụng cho DNNVV tăng lên hàng năm. Ngân hàng trung ương yêu cầu ngân hàng thương mại phải thành lập phòng tín dụng dành cho DNNVV tạo điều kiện cho khu vực doanh nghiệp này tăng khả năng tiếp cận với ngân hàng. Đồng thời, ngân hàng trung ương sử dụng chuyên gia tư vấn cho DNNVV về biện pháp củng cố cơ cấu tài chính, tăng khả năng tài trợ cho doanh nghiệp. Thành lập trung tâm hướng dẫn và hỗ trợ chung cho DNNVV nhằm cung cấp tài chính cho doanh nghiệp, phối hợp với các tổ chức tài chính giải quyết khó khăn về cung cấp tín dụng, hỗ trợ đào tạo quản lý tài chính. Đồng thời, có các chương trình miễn phí cho các DNNVV cải thiện hệ thống kế toán, tăng cường khả năng vạch kế hoạch kinh doanh, cải thiện các biện pháp thu hồi vốn.

- Thành lập Quỹ phát triển DNNVV: Đài Loan cho phép thành lập các quỹ có chức năng cấp vốn cho khu vực này qua hệ thống ngân hàng. Hàng năm, chính quyền phân bổ ngân sách cho các quỹ phát triển 12 tỷ Đài tệ và quỹ có trách nhiệm cung cấp khoản vốn nhất định cho DNNVV nào thỏa

mãn các điều kiện mà chính quyền đưa ra với mức lãi suất ưu đãi. Lợi nhuận từ các quỹ phát triển này dùng cho chương trình hỗ trợ phát triển DNNVV tại các địa phương.

- Thành lập Quỹ bảo lãnh tín dụng: Năm 1974, Đài Loan đã yêu cầu các thể chế tài chính góp vốn cùng chính quyền địa phương thành lập Quỹ bảo lãnh tín dụng cho DNNVV với mục đích hỗ trợ tài chính cho các DNNVV có tiềm năng phát triển nhưng thiếu tài sản thế chấp có thể vay vốn tín dụng ngân hàng với sự bảo lãnh của quỹ này. Quỹ bảo lãnh khoảng 70-80% mức vay nhằm chia sẻ rủi ro với ngân hàng nên họ thấy tin tưởng hơn trong cấp tín dụng cho DNNVV. Sự ra đời của quỹ này góp phần tăng khả năng tiếp cận nguồn vốn tín dụng ngân hàng đồng thời ổn định môi trường tài chính cho các doanh nghiệp này. Kể từ khi thành lập đến cuối năm 2010, Quỹ đã bảo lãnh tín dụng cho 4,2 triệu trường hợp với số tiền bảo lãnh tương đương 5.443,13 tỷ Đài tệ; dư nợ tín dụng được hỗ trợ thông qua bảo lãnh cho DNNVV chiếm khoảng 16,25% dư nợ tín dụng cho DNNVV được thực hiện bởi các tổ chức tài chính.

2.5. Kinh nghiệm của Singapore

Đến cuối thập niên 1980, Singapore đã trở thành điểm đến của nhiều công ty đa quốc gia với trên 600 cơ sở sản xuất lớn, 2.800 chi nhánh thương mại dịch vụ. Trong đó, phần lớn các nguồn cung cấp nguyên liệu, phụ tùng, dịch vụ hỗ trợ cho các công ty đa quốc gia có nguồn gốc từ DNNVV. Đây cũng là nguyên nhân làm cho khu vực DNNVV năng động hơn với kết quả 92% tổ chức kinh doanh tại Singapore là DNNVV sử dụng 495.584 lao động chiếm 48% lực

lượng lao động cả nước, đóng góp 21 tỷ USD trong tổng giá trị gia tăng của nền kinh tế chiếm 29%. Triết lý quan trọng của Singapore trong hỗ trợ phát triển DNNVV là thông qua các chính sách giúp doanh nghiệp phát triển và nâng cao khả năng cạnh tranh trong phạm vi kinh tế thị trường tự do. Một số chương trình hỗ trợ được thực hiện như sau:

- Viện trợ không hoàn lại để huấn luyện DNNVV: Quỹ phát triển kỹ năng Singapore được thành lập để thực hiện nhiều chương trình nhằm khuyến khích huấn luyện người lao động trong các DNNVV. Mục tiêu của quỹ nhằm hỗ trợ việc phân tích nhu cầu về kỹ năng, huấn luyện tại nơi làm việc. Khoảng 32.000 hãng và 200 nhân viên được hưởng từ quỹ này qua các chương trình huấn luyện nâng cao.

- Hình thành nhóm kinh tế trong DNNVV: Năm 1992, Chính phủ Singapore bắt đầu xúc tiến hình thành các nhóm kinh tế trong DNNVV địa phương nhằm giúp họ tăng sức cạnh tranh và hoạt động hiệu quả hơn. Một trung tâm đã được thành lập để huấn luyện và tư vấn cho việc phát triển chi nhánh, hỗ trợ tài chính cho việc hình thành nhóm.

2.6. Kinh nghiệm của Thái Lan

Trước đây, Thái Lan hầu như không có hệ thống chính sách trợ giúp các DNNVV. Tuy nhiên, hiện nay chính sách về DNNVV đang trở thành một trong những tiêu điểm của hệ thống chính sách cải cách kinh tế của Thái Lan kể từ sau cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ năm 1997. Các DNNVV được coi là những nhân tố chủ chốt trong quá trình hồi phục hậu khủng hoảng của Thái Lan. Trọng tâm của các chính sách trợ giúp DNNVV của Thái

Lan là phát triển các mạng lưới trợ giúp công nghiệp phục vụ xuất khẩu với mục tiêu chính là phục vụ cho chiến lược phục hồi sau khủng hoảng của Thái Lan dựa trên phát triển xuất khẩu và thu hút đầu tư nước ngoài. Dưới đây là các nội dung chủ yếu của các chính sách DNNVV mới được ban hành của Thái Lan.

- Củng cố mạng lưới thể chế chuyên trách về DNNVV. Thái Lan thành lập Ủy ban khuyến khích DNNVV (SMEPO) là cơ quan độc lập trực thuộc Thủ tướng Chính phủ. Nhiệm vụ của Ủy ban là soát xét định nghĩa cả về DNNVV, đề xuất các chính sách và biện pháp khuyến khích DNNVV và quản lý Quỹ phát triển DNNVV. Ủy ban này có trách nhiệm chuẩn bị Sách trắng hàng năm về DNNVV Thái Lan đệ trình Thủ tướng. Quỹ phát triển DNNVV trực thuộc SMEPO cũng được thành lập. Quỹ này được Chính phủ cấp vốn hàng năm, được trợ giúp bởi khu vực tư nhân, các chính phủ nước ngoài và các tổ chức quốc tế. Thái Lan cũng thành lập Viện Nghiên cứu phát triển DNNVV, củng cố các tổ chức như Tập đoàn bảo lãnh tín dụng kinh doanh nhỏ, Tập đoàn tài chính kinh doanh nhỏ, Hiệp hội công nghiệp.

- Hoạch định kế hoạch lớn phát triển DNNVV. Kế hoạch lớn phát triển DNNVV bao gồm 7 chiến lược cơ bản để trợ giúp các DNNVV. Mỗi chiến lược cơ bản này lại bao gồm nhiều biện pháp cụ thể nhằm thực hiện mục tiêu chung của chiến lược. Các chiến lược đó là nâng cấp năng lực kỹ thuật và quản lý của các DNNVV; phát triển doanh nhân và nguồn lực con người của các DNNVV; nâng cao khả năng tiếp cận thị trường của



các DNNVV; tăng cường hệ thống trợ giúp các DNNVV; cung cấp môi trường kinh doanh thuận lợi hơn; phát triển các doanh nghiệp cực nhỏ và các doanh nghiệp cộng đồng; và phát triển các mạng lưới và các cụm DNNVV.

- Xác định các nhóm ngành cần phải nhanh chóng phát triển mạng lưới DNNVV. Chính phủ Thái Lan đã chỉ ra 10 ngành cần phải nhanh chóng phát triển mạng lưới các DNNVV, được chia là 2 nhóm: Nhóm 1 gồm 5 ngành mà sự phát triển của các DNNVV là cực kỳ quan trọng và cấp bách, đó là lương thực và thức ăn gia súc; dệt may; sản phẩm nhựa; thiết bị điện và điện tử; và ô tô và bộ phận ô tô. Nhóm 2 gồm 5 ngành mà sự phát triển của các DNNVV là quan trọng vừa phải, bao gồm các ngành như da và giấy dép; sản phẩm gỗ; cao su và sản phẩm cao su; gốm và kính; và đá quý và đồ trang sức. Tất cả 10 ngành này là những ngành công nghiệp có định hướng xuất khẩu, có kết cấu hạ tầng tương đối tốt và có giá trị gia tăng cao.

- Hoạch định chương trình hành động nhằm phát triển các DNNVV. Chương trình này đề ra 18 biện pháp cần phải thực hiện để phát triển các DNNVV. Một số biện

pháp quan trọng gồm trợ giúp tài chính cho các DNNVV; thành lập và phát triển thị trường vốn cho các DNNVV; đào tạo doanh nhân và người lao động; hỗ trợ phát triển công nghệ mới; hỗ trợ nghiên cứu và tìm kiếm thị trường; phát triển các liên kết giữa các DNNVV và các DN lớn; phát triển các hiệp hội DNNVV; phát triển các DNNVV ở nông thôn; sửa đổi các quy định luật pháp gây trở ngại cho các DNNVV.

2.7. Kinh nghiệm của Mỹ

Những năm gần đây, kinh doanh nhỏ của Mỹ đang trong đà phát triển thịnh vượng. Theo số liệu của Cục Quản lý kinh doanh nhỏ của Mỹ (SBA), năm 2003, các kinh doanh nhỏ ở Mỹ đã chiếm trên 99,7% tổng số hãng kinh doanh có thuê nhân công; thu hút 52% lực lượng lao động trong khu vực tư nhân, 51% lực lượng trợ giúp công cộng và 38% trong lĩnh vực công nghệ cao. Nếu kể cả các lao động tự tạo việc làm và nông nghiệp thì số lao động trong các DNNVV chiếm tới 57% tổng số lao động; cung cấp 60 - 80% trong tổng số việc làm mới được tạo ra; sản xuất ra 51% tổng sản phẩm của khu vực tư nhân; chiếm 47% tổng doanh thu bán hàng; chiếm 31% doanh

thu xuất khẩu hàng hóa; chiếm 97% tổng số các nhà xuất khẩu.

Tuy nhiên, những con số trên chưa nói hết được vai trò của các DNNVV trong nền kinh tế Mỹ. Cục quản lý kinh doanh nhỏ Mỹ cho rằng cần nhấn mạnh vai trò của các kinh doanh nhỏ như một thành phần then chốt thúc đẩy sự cạnh tranh, sáng tạo của nền kinh tế thị trường Mỹ, đồng thời lại là kênh dẫn, là phương tiện để huy động và gắn kết mọi tài năng, nguồn vốn, bản sắc văn hóa của người Mỹ cho sự thịnh vượng chung của đất nước. Các biện pháp trợ giúp kinh doanh nhỏ của Mỹ dựa trên những cột trụ chính như cải cách pháp lý, trợ giúp tài chính, trợ giúp xuất khẩu, hướng dẫn quản lý và mua sắm của chính phủ.

- Cải cách pháp lý. Trong thời gian gần đây, Mỹ đã có một số cải cách pháp lý quan trọng để trợ giúp kinh doanh nhỏ. Mỹ đã nói lỏng những quy định cản trở việc gia nhập thị trường của các kinh doanh nhỏ trong những ngành như ngân hàng, điện lực và viễn thông. Đồng thời, Mỹ cũng tăng cường thi hành Luật Chống độc quyền. Gần đây, Mỹ đang có dự định tiến hành những cải cách quan trọng về chính sách an sinh xã hội và thuế khóa để tạo điều kiện cho các kinh doanh nhỏ. Việc đăng ký kinh doanh của Mỹ ngày càng đơn giản, hiện chỉ mất vài giờ và phí đăng ký chỉ là vài đô la.

- Trợ giúp tài chính, theo thống kê của SBA, năm 1997, Mỹ có 125 chương trình trợ giúp kinh doanh trị giá 75 tỷ USD. Trong năm 1999, Mỹ có khoảng 200 chương trình cấp liên bang tài trợ kinh doanh nhỏ đang hoạt động. Những chương trình này bao trùm mọi loại trợ giúp tài chính như: tín dụng trực

tiếp và bảo lãnh tín dụng, thưởng kinh doanh, thưởng xuất khẩu, hỗ trợ tài chính cho các chương trình đào tạo và nhiều loại bảo hiểm khác nhau. Tuy nhiên, chính quyền Mỹ rất hạn chế trong việc cấp tín dụng trực tiếp.

- Trợ giúp về đổi mới công nghệ. Mỹ có nhiều chính sách trợ giúp các kinh doanh nhỏ khai thác tiềm năng công nghệ như Chương trình chuyển giao công nghệ kinh doanh nhỏ; Quỹ hợp tác mở rộng chế tạo và chương trình nghiên cứu đổi mới kinh doanh nhỏ cung cấp một lượng vốn lớn trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu và triển khai của các kinh doanh nhỏ; thành lập các vườn ươm công nghệ và vườn ươm kinh doanh tại 50 tiểu bang. Vườn ươm công nghệ và kinh doanh của Mỹ thường được xây dựng dựa trên cơ sở các trường đại học và những cơ quan nghiên cứu khoa học với mục tiêu quan trọng là thương mại hóa những công trình nghiên cứu khoa học.

- Trợ giúp về quản lý. SBA hình thành mạng lưới các Trung tâm phát triển DNNVV trợ giúp về quản lý cho các chủ DNNVV thông qua hoạt động tư vấn, đào tạo và kỹ thuật. Hiện có hàng ngàn trung tâm này ở tất cả các tiểu bang. Các trung tâm này có mạng lưới rộng, cung cấp các chương trình tư vấn và dạy nghề, tham gia vào việc tư vấn thành lập DN mới, tạo ra một liên minh giữa các doanh nghiệp tư nhân, công chúng và các cơ quan nhà nước.

- Xúc tiến xuất khẩu. Chính phủ Mỹ ban hành nhiều chương trình và biện pháp trợ giúp hoạt động xuất khẩu của các kinh doanh nhỏ. Ủy ban điều phối xúc tiến xuất khẩu có trách nhiệm chính là điều phối những biện pháp đa dạng của các

thể chế khác nhau nhằm trợ giúp xuất khẩu của DNNVV. Trung tâm trợ giúp xuất khẩu cung cấp các dịch vụ tư vấn và thông tin về thị trường nước ngoài, hợp đồng quốc tế và các dịch vụ trợ giúp thông qua trên 100 văn phòng trải khắp nước Mỹ. Trung tâm này đang tập trung vào việc trợ giúp phát triển thương mại điện tử trong các DNNVV.

2.8. Kinh nghiệm của Cộng hòa Liên bang Đức

Tại Cộng hòa Liên bang Đức, khu vực DNNVV đóng một vai trò rất quan trọng trong nền kinh tế nước này. Hệ thống doanh nghiệp này tạo ra gần 50% GDP, chiếm hơn một phần hai doanh thu chịu thuế của các doanh nghiệp, cung cấp các loại hàng hóa và dịch vụ đáp ứng nhu cầu đa dạng của người tiêu dùng trong và ngoài nước. Để đạt được những thành tựu đó, chính phủ Đức đã áp dụng hàng loạt chính sách và chương trình thúc đẩy DNNVV trong việc huy động các nguồn vốn.

Công cụ chính để thực hiện chính sách và chương trình hỗ trợ này là thông qua tín dụng ưu đãi, có sự bảo lãnh của Nhà nước. Các khoản tín dụng này được phân bổ ưu tiên đặc biệt cho các dự án đầu tư thành lập doanh nghiệp, đổi mới công nghệ vào những khu vực kém phát triển trong nước. Do phần lớn các DNNVV không đủ tài sản thế chấp để có thể nhận được khoản tín dụng lớn bên cạnh những khoản tín dụng ưu đãi. Tại Đức còn khá phổ biến các tổ chức bảo lãnh tín dụng, những tổ chức này được thành lập và bắt đầu hoạt động từ những năm 1950 với sự hợp tác chặt chẽ của Phòng thương mại, Hiệp hội doanh nghiệp, ngân hàng và chính quyền Liên bang. Nguyên tắc hoạt động cơ bản là vì khách hàng, DNNVV

nhận được khoản vay từ ngân hàng với sự bảo lãnh của một tổ chức bảo lãnh tín dụng. Nếu doanh nghiệp làm ăn thua lỗ, tổ chức này sẽ có trách nhiệm hoàn trả khoản vay đó cho ngân hàng. Ngoài ra, các khoản vay có thể được Chính phủ tái bảo lãnh. Với các cơ chế và chính sách hỗ trợ như vậy, các DNNVV ở Đức đã khắc phục được khá nhiều khó khăn trong quá trình huy động vốn.

3. Bài học cho VN

Qua nghiên cứu kinh nghiệm của một số nước trong chính sách hỗ trợ phát triển DNNVV cho thấy rằng cho dù đối với các nền kinh tế phát triển hay đang phát triển thì vai trò của DNNVV vẫn hết sức quan trọng. Chính phủ cần có những chính sách và bước đi phù hợp nhằm trợ giúp những khó khăn, bất lợi của hệ thống doanh nghiệp này. Trong đó, hỗ trợ và tạo điều kiện để các DNNVV tiếp cận với nguồn vốn được coi là then chốt. Đối với VN có thể học hỏi một số kinh nghiệm phù hợp với điều kiện cụ thể của đất nước và đặc điểm của DNNVV tại VN, cụ thể:

- Đánh giá đúng mức vai trò quan trọng và vị trí của DNNVV trong phát triển kinh tế. Thực tế chỉ ra rằng, trong quá trình phát triển kinh tế, không chỉ có doanh nghiệp lớn mà phải quan tâm phát triển DNNVV bởi hệ thống doanh nghiệp này có vai trò hết sức quan trọng trong thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giải quyết công ăn việc làm.

- Thành lập nhiều tổ chức chuyên trách hỗ trợ các DNNVV trên nhiều lĩnh vực. Các tổ chức chuyên trách này hỗ trợ các DNNVV vượt qua các khó khăn về tài chính, công nghệ, nguồn nhân lực, thị trường, chất lượng sản

phẩm... theo hướng khuyến khích DNNVV phát triển. Các chính sách khuyến khích, hỗ trợ được thực hiện nhất quán, linh hoạt, có hiệu quả và được thực hiện xuyên suốt quá trình phát triển của hệ thống doanh nghiệp này, từ khởi nghiệp, vượt qua khó khăn, tăng trưởng và toàn cầu hóa. Trong những chính sách đó, trợ giúp về tài chính được các quốc gia đặc biệt quan tâm. Các hỗ trợ tài chính giúp DNNVV thuận lợi hơn khi tiếp cận nguồn tài chính như: tín dụng ngân hàng, các nguồn vốn ưu đãi... Trong hỗ trợ tài chính, kinh nghiệm của các nước là Nhà nước cần thành lập ngân hàng, các tổ chức tài chính, các định chế cho vay mà đối tượng phục vụ là các DNNVV để hỗ trợ nguồn vốn với hình thức hỗ trợ linh hoạt, thống nhất nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho loại hình doanh nghiệp này phát triển.

- Các DNNVV dễ bị tổn thương trước các biến động kinh tế, do vậy để nâng cao khả năng thích ứng, các DNNVV cần liên kết với nhau và kết nối với hệ thống các doanh nghiệp khác trong nền kinh tế. Về hoạt động này, kinh nghiệm cho thấy rằng Nhà nước cần quan tâm, tạo điều kiện nhằm phát triển các mối quan hệ này thông qua các hình thức hiệp hội, nghiệp đoàn, các hình thức như thầu phụ, nhà cung cấp... Hoạt động này, một mặt tạo điều kiện cho các DNNVV tích lũy kinh nghiệm, nâng cao năng lực quản lý, quy trình công nghệ cũng như bảo lãnh giúp DNNVV tiếp cận với các nguồn lực phát triển.

- Ngoài ra, để nâng cao hiệu quả thực thi các chính sách hỗ trợ, Nhà nước cần chỉ đạo và điều phối các cơ quan chức năng xây dựng các chính sách hỗ trợ cũng như luật hóa các chính sách này phù hợp

với từng thời kỳ và đặc điểm của nền kinh tế.

4. Kết luận

Phát triển hệ thống các DNNVV là một mục tiêu trọng tâm của các nền kinh tế nhằm phát huy mọi nguồn lực cho phát triển. Với quan điểm đó, hệ thống DNNVV cần được phát triển ngày càng tăng và lớn mạnh. Tuy nhiên, đứng trước những biến động kinh tế, đương đầu với sự cạnh tranh khốc liệt. Chỉ bằng sự nỗ lực đơn lẻ của chính doanh nghiệp thì khó có thể thành công mà cần có sự hỗ trợ tích cực của nhà nước trong chính sách phát triển, quan đố khắc phục những hạn chế, tồn tại, tạo điều kiện thuận lợi, rõ ràng và minh bạch nhằm khuyến khích các DNNVV phát triển. Hy vọng rằng, những kinh nghiệm trong chính sách hỗ trợ phát triển sẽ được chúng ta tận dụng thành công, qua đó, giúp hệ thống các DNNVV có những bước phát triển bền vững ●

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ KH&ĐT, Cục Phát triển doanh nghiệp, *Báo cáo tình hình trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa 2012*.
- Bộ KH&ĐT, Cục Phát triển doanh nghiệp, *Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh của Hiệp hội doanh nghiệp 2012*.
<http://www.moit.gov.vn/vn/pages/chitiettin.aspx?IDNews=2055>
- http://www.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?mode=detail&document_id=168746
- <http://www.doanhnhansaigon.vn/online/kinh-doanh/chuyen-lam-an/2013/07/1075608/the-bi-cua-doanh-nghiep-nho-va-vua/>
- Bộ KH&ĐT, Cục Phát triển doanh nghiệp, *Kế hoạch phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa lần 2*.
- Bộ KH&ĐT, Cục Phát triển doanh nghiệp, *Sách trắng doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam 2011*